TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2022/DS-PT
Ngày 05/5/2022
V/v: Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình

Các Thẩm phán: -Ông Đặng Văn Lộc

-Ông Nguyễn Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Liễu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: ông Phan Thanh Hào - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06/4 và ngày 05/ 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2022/TLPT- DS, ngày 12 tháng 01 năm 2021,về *tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất.*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2021/DS-ST, ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Bình Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 55 /2022/QĐ – PT, ngày 01 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Phùng Thị C, sinh năm 1940. Địa chỉ: ấp Đông Th C, xã Đ Th, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1983. Địa chỉ: phường T, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long là trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Vĩnh Long (theo quyết định cử trợ giúp viên pháp lý số 73/QĐ-TGPL ngày 08/4/2022) (có mặt).

2.Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1943. Địa chỉ: tổ S, khóm Th N, thị trấn T Q, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Phùng Văn Q, sinh năm 1976 (xin vắng mặt).

-Anh Phùng Văn L, sinh năm 1977 (xin vắng mặt).

-Anh Phùng Văn Th, sinh năm 1978 (xin vắng mặt).

-Anh Phùng Văn Ch, sinh năm 1983 (có mặt).

-Chị Thái Thị V, sinh năm 1978 (xin vắng mặt).

-Chị Võ Thị H, sinh năm 1980 (xin vắng mặt).

-Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1975 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ S, khóm Th N, thị trấn T Q, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Ông Lê Ngọc A, sinh năm 1966 (xin vắng mặt).

- Ông Lê Anh D, sinh năm 1964 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ M, khóm T L, thị trấn T Q, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Ông Bùi Minh Q, sinh năm 1969 (xin vắng mặt).

- Ông Bùi Minh T, sinh năm 1955 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T Ph, xã T B, huyện bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Ông Bùi Minh H, sinh năm 1951 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T Qu, xã T B, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

-Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1974 (xin vắng mặt). Địa chỉ: Khóm Th N, thị trấn T Q, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

-Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1974 (xin vắng mặt). Địa chỉ: tổ N, khóm Th N, thị trấn T Q, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1958 (xin vắng mặt). Địa chỉ: tổ N, khóm Th N, thị trấn T Q, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* bà Phùng Thị C là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện BìnhTân thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phùng Thị C trình bày: Cha mẹ bà là cụ Phùng Văn T (chết năm 1975) và cụ Nguyễn Thị C (chết năm 1985) có tất cả 06 người con gồm: Bà (Phùng Thị C), Phùng Thị Th *(chết ngày 03/10/2017, bà Th có 02 con chung là Lê Anh D, Lê Ngọc A, chồng bà Th đã chết)*, Phùng Thị Cẩm V (*chết năm 2009, chồng bà V chết, bà V có 03 người con là Bùi Minh Q, Bùi Minh H, Bùi Minh T)*, Phùng Thị T *(chết năm 2010, chồng bà T đã chết, vợ chồng bà T có 03 người con là Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn U và Nguyễn Văn O)*, Phùng Văn S *(chết năm 2004, ông S có vợ là Nguyễn Thị L, vợ chồng ông S bà L có 04 người con là Phùng Văn Q, Phùng Văn L, Phùng Văn Th, Phùng Văn Ch)*, Phùng Thị H (chết ngày 10/10/2016, không có chồng con).

Bà Nguyễn Thị L đứng tên quyền sử dụng đất tại các thửa: 304, tờ bản đồ số 5, diện tích 4.400m^2, loại đất thổ vườn; thửa 352 diện tích 1.500m^2, loại đất lúa; thửa 379 diện tích 4.460m^2, loại đất lúa cùng tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp Th N, xã Th L, huyện Bình Tân được UBND huyện Bình Minh (nay là huyện Bình Tân) cấp ngày 21/01/2002 cho hộ bà Nguyễn Thị L, bà L nhận chuyển nhượng từ chồng là ông

Phùng Văn S. Thời điểm được cấp quyền sử dụng thì hộ bà L gồm có 06 nhân khẩu gồm: Bà Nguyễn Thị L (là chủ hộ), bà Phùng Thị H (chị chồng), Phùng Văn Q, Phùng Văn L, Phùng Văn Th, Phùng Văn Ch (các con bà L). Bà Phùng Thị H là người bị tâm thần từ nhỏ, được em ruột là ông Phùng Văn S (chồng bà L) chăm sóc, nuôi dưỡng. Năm 2004, sau khi ông S chết, bà L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng bà H cho đến khi bà H chết vào năm 2016, không để lại di chúc. Các thửa đất số 304, 352 và 379 nêu trên thuộc quyền sử dụng chung của các thành viên hộ bà L, trong đó có bà H. Cha mẹ bà H là cụ Phùng Văn T chết năm 1975 và cụ Nguyễn Thị Ch chết năm 1985, nên hàng thừa kế thứ nhất không có người thừa hưởng, hàng thừa kế thứ hai gồm các anh chị em của H là: Phùng Thị C, Phùng Thị Th (chết năm 2016), Phùng Thị Cẩm V (chết năm 2009), Phùng Thị T (chết năm 2010), Phùng Văn S (chết năm 2004).

Bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế di sản của bà H để lại diện tích đất 733m^2, thửa số 304, tờ bản đồ số 5, diện tích chung là 4.400m^2, loại đất thổ vườn và diện tích 993m^2, thửa 379, tờ bản đồ số 5, diện tích chung 4.460m^2, loại đất lúa, cùng tọa lạc tại ấp Th N, xã Th L, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long do hộ bà Nguyễn Thị L đứng tên quyền sử dụng. Bà C yêu cầu được nhận đất để sử dụng.

Tại tờ tường trình ngày 28/6/2021 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: thống nhất ý kiến của bà Phùng Thị C về về quan hệ nhân thân trong gia đình và thời gian qua đời của những người có liên quan mà bà C đã trình bày nêu trên *(cha mẹ chồng bà có 06 người con chung, không có con riêng, không có con nuôi)*.

Nguồn gốc phần đất tranh chấp thửa đất 304, diện tích 4.400m^2, loại đất thổ vườn (thửa mới là 1016, diện tích 1859,8m^2 (hiện nay do con bà là Phùng Văn Ch đứng tên quyền sử dụng) là do cụ Ch, cụ T để lại diện tích khoảng 2.200m^2, phần còn lại 2.200m^2 do vợ chồng bà nhận chuyển nhượng lại của ông Phạm Ng B. Năm 2009 do gặp khó khăn, bà đã chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn O phần diện tích 2.200m^2 mà bà mua của ông Phạm Ng B. Diện tích còn lại 2.200m^2 thì bà chuyển nhượng cho bà Phạm Thị Kh diện tích 07m x 23m và 06m x 12m đã tách bộ sang tên cho bà Kh xong. Diện tích còn lại, bà tặng cho các con là Phùng Văn Q, Phùng Văn L, Phùng Văn Th và Phùng Thị Á *(chị Á_là con riêng của ông S)*, mỗi người 02 nền nhà, những người này đã cất nhà ở sử dụng, tách bộ sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong. Đồng thời tặng cho con riêng của ông Phùng Văn S là Phùng Văn P, Phùng Văn S (anh chị em với chị Phùng Thị Á) mỗi người một nền nhà có diện tích 06m x 12m *(Theo bản án sơ thẩm số 93/2008/DSST ngày 18/9/2008) của TAND tỉnh Vĩnh Long)* hiện đã tách bộ sang tên xong.

Phần diện tích còn lại khoảng 1859,8m^2 thuộc thửa 143-1(1016-1) do bà và anh Phùng Văn Ch đang sử dụng, có nhà của bà và anh Ch trên đất và hiện nay bà thời cúng cha mẹ chồng và ông Phùng Văn S. Phùng Thị H do con trai bà Phùng Văn L thờ cúng.

Thửa đất 352, diện tích 1.500m^2, loại đất LUC (thửa mới là 75, diện tích 1289,0m^2) do cha mẹ chồng bà để lại, ông Phùng Văn S đăng ký kê khai năm 1993, trước khi ông S chết đã chuyển nhượng lại cho bà và bà đã tặng cho lại anh Phùng Văn Ch vào năm 2017, anh Ch đã được cấp quyền sử dụng và anh Ch đã lên liếp lập vườn trồng mít.

Thửa đất 379, diện tích 4.460m^2 loại đất LUC (tách thành thửa mới là thửa 36, diện tích 1444,3m^2 và thửa 386 diện tích 3278,2m^2) có nguồn gốc do cha mẹ chồng để lại. Trong phần đất này thì năm 1993 vợ chồng bà đã cho Phùng Văn S một công (khoảng 1129m^2), ông S canh tác khoảng một năm thì chuyển nhượng lại cho vợ chồng bà, từ đó vợ chồng bà sử dụng cho đến nay. Hiện nay thửa 36, 386 do bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Các thửa đất 304, 352 và 379 nêu trên do ông Phùng Văn S đăng ký, kê khai năm 1993 và được cấp quyền sử dụng đất vào năm 01/10/1996, sau đó ông S đã chuyển nhượng lại cho bà vào ngày 01/12/2000. Bà kê khai, đăng ký biến động vào ngày 15/12/2000, ngày 21/01/2002 được cấp quyền sử dụng đất. Ông S và bà kê khai theo dạng cá nhân, không phải kê khai hộ gia đình. Thửa đất số 379 hiện nay đã tách thành 02 thửa 36 và 386 do bà cho anh Phùng Văn Q và Phùng Văn L mỗi người một công để canh tác, nhưng chưa tách bộ sang tên.

Bà L không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của bà C, vì bà Phùng Thị H bị bệnh tâm thần từ nhỏ sống chung với cha mẹ, sau khi cha mẹ chết thì vợ chồng bà đã nuôi dưỡng, chăm sóc bà H cho đến khi chết, hiện nay bà thờ cúng ông S, cha mẹ chồng một năm 05-6 lễ giỗ.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 22/6/2021, đơn yêu cầu ngày 17/9/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Anh D, ông Lê Ngọc A trình bày:

Mẹ các ông là bà Phùng Thị Th (chết ngày 03/10/2017, bà Th có 02 con chung là Lê Anh D, Lê Ngọc A, cha các ông là Lê Văn M đã chết vào năm 1989).

Các ông yêu cầu được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất của bà Phùng Thị H để lại theo quy định của pháp luật, nếu được nhận, xin nhận đất để sử dụng, vị trí đất thì đề nghị đo đạc lại để xác định ranh trên thực tế và đồng ý nộp tạm ứng chi phí đo đạc theo quy định. Đến ngày 17/9/2021 ông D, ông A có đơn xin rút lại yêu cầu được chia thừa kế, phần trị giá đất nếu các ông được hưởng theo quy định pháp luật thì tùy Tòa án xem xét giải quyết khi mở phiên tòa và xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án các cấp giải quyết vụ án.

-Tại biên bản hòa giải ngày 05/7/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phùng Văn Ch trình bày: anh được mẹ ruột là bà Nguyễn Thị L tặng cho thửa đất số 75, diện tích 1289m^2, đã lên liếp lập vườn trồng cây ăn trái (trồng mít Thái), chi phí lên liếp lập vườn không nhớ bao nhiêu, chi phí đầu tư không xác định được. Phần đất bà C yêu cầu chia thừa kế tại thửa đất cũ là 304, 352 và 379 anh đề nghị nếu cấp cho hộ thì phần tài sản chung của anh (1/6), anh được hưởng thì yêu cầu cấn trừ vào thửa đất 75. Ngoài ra anh thống nhất với ý kiến của bà L, không có yêu cầu nào khác.

-Tại biên bản hòa giải ngày 05/7/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phùng Văn Q trình bày: Anh thống nhất với ý kiến của mẹ anh bà Nguyễn Thị L, không có yêu cầu nào khác. Anh đã được bà L tặng cho một nền nhà, thửa 304, 352 và thửa đất 379 nếu cấp cho hộ (có 06 phần) thì phần anh được cấp để mẹ anh định đoạt, không có yêu cầu nào khác.

-Tại đơn xin vắng mặt ngày 20/9/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị N (vợ anh Phùng Văn Q) trình bày: bà C khởi kiện bà Nguyễn Thị L (mẹ chồng chị), yêu cầu chia thừa kế thì để bà L quyết định. Phần đất bà L cho vợ chồng đứng tên chị thống nhất ý kiến của anh Phùng Văn Q, không có yêu cầu nào khác và xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án các cấp giải quyết vụ án.

- Tại đơn xin vắng mặt ngày 07/7/2021 và *biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phùng Văn Th trình bày:*

Anh được mẹ ruột là bà Nguyễn Thị L tặng cho một nền nhà thuộc thửa 304 (thửa mới là 1016) diện tích khoảng 120m^2, đã tách bộ sang tên xong, cho khi cha anh còn sống. Phần anh đã được cha mẹ tặng cho nên không có yêu cầu chia tài sản chung, phần tranh chấp thừa kế mà bà C yêu cầu, anh thống nhất với ý kiến của bà L, không có yêu cầu nào khác. Phần tài sản chung nếu được chia để mẹ anh định đoạt và xin văng mặt trong quá trình Tòa án các cấp giải quyết vụ án.

-Tại đơn xin vắng mặt ngày 20/9/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị H (vợ anh Phùng Văn Th) trình bày: phần đất tranh chấp chia thừa kế bà C khởi kiện mẹ chồng chị là bà Nguyễn Thị L thì để bà L quyết định. Phần đất bà L cho vợ chồng đứng tên chị thống nhất ý kiến của anh Phùng Văn Th, không có yêu cầu nào khác và xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án các cấp giải quyết vụ án.

- Tại đơn xin vắng mặt ngày 07/7/2021 và biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phùng Văn L trình bày: Anh được mẹ ruột là bà Nguyễn Thị L tặng cho hai nền nhà thuộc thửa 304 (thửa mới là 1016) có diện tích 05m x 12m và 06 x 12m, đã tách bộ sang tên xong, cho khi cha anh còn sống. Thửa đất 379 hiện nay bà L cũng cho anh một công để canh tác, nhưng không biết theo số thửa mới là 36 hay 386. phần anh đã được cha mẹ tặng cho nên không có yêu cầu chia tài sản chung, không có yêu cầu nào khác. Anh thống nhất ý kiến của bà L, phần tài sản chung nếu anh được chia để mẹ anh định đoạt và xin vắng mặt trong quá trình Tòa án các cấp giải quyết vụ án.

-Tại đơn xin vắng mặt ngày 20/9/202, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Thái Thị V (vợ anh Phùng Văn L) trình bày: phần đất bà C khởi kiện bà L là mẹ chồng chị thì để bà L quyết định. Phần đất bà L cho vợ chồng đứng tên chị thống nhất ý kiến của anh Phùng Văn L, không có yêu cầu nào khác và xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án các cấp giải quyết vụ án.

-Tại đơn xin vắng mặt ngày 11/11/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Minh Q, Bùi Minh H và Bùi Minh T trình bày: Các anh là con bà Phùng Thị Cẩm V, cha mẹ đã chết, các anh không có yêu cầu gì về phần tài sản do bà Phùng

Thị H để lại, xin vắng mặt trong quá trình Tòa án các cấp giải quyết vụ án, không khiếu nại về sau.

- Tại đơn xin vắng mặt ngày 11/11/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Ú và Nguyễn Văn O trình bày: Các anh là con bà Phùng Thị T, cha mẹ đã chết, các anh không có yêu cầu gì về phần tài sản do bà Phùng Thị H để lại và xin vắng mặt trong quá trình Tòa án các cấp giải quyết vụ án và không khiếu nại về sau.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số:46/2021/DS-ST, ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Bình Tân đã xử:

Áp dụng các Điều 67, Điều 68, Điều 69, Điều 674, Điều 676 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 147, Điều 165 và Điều 166, khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của ông Lê Anh D, ông Lê Ngọc A.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị C về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của bà Phùng Thị H thuộc một phần thửa đất 304, tờ bản đồ số 5, diện tích chung là 4.400m^2 [*hiện nay thuộc tách 143 -2 (tách 1016-2) bằng 689,5m^2]*, loại đất thổ vườn, do anh Phùng Văn Ch đứng tên và một phần của thửa 379, tờ bản đồ số 5, diện tích 4.460m^2 *(hiện nay là thửa 36 diện tích bằng 1444,3m^2 do hộ bà Nguyễn Thị L đứng tên cấp quyền sử dụng ngày 07/10/2011 và thửa 386 có diện tích bằng 3278,2m^2 do bà Nguyễn Thị L đứng tên cấp quyền sử dụng ngày 19/11/2011)*, thửa 352 diện tích 1.500m^2 *[hiện nay thuộc tách 75-2 (tách 352-2) bằng 1021,4m^2]* do anh Phùng Văn Ch đứng tên, đều là đất lúa; cùng tọa lạc tại ấp Th N, xã Th L *(hiện nay là khóm Th N, thị trấn T Q)*, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long *(kèm Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 20/5/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh Long).*

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/12/2021 nguyên đơn bà Phùng Thị C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chia thừa kế cho bà được hưởng:

-Diện tích 689,5m^2 thuộc một phần thửa số 304, tờ bản đồ số 5 {(hiện nay thuộc tách 143-2 (tách 1016-2)}, đất thổ vườn, do anh Phùng Văn Ch đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

-Diện tích 1444,3m^2 thuộc một phần thửa số 379, tờ bản đồ số 5 {(hiện nay thửa 36 và 386) đất lúa, do hộ bà Nguyễn Thị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

-Diện tích 1021,4m^2 thửa số 352{(hiện nay thuộc tách 75-2 (tách 352-2)}, đất lúa, do anh Phùng Văn Ch đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Th là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Phùng Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bà Nguyễn Thị L không đồng ý yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Anh Phùng Văn Ch thống nhất ý kiến của bà Nguyễn Thị L.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Nguồn gốc 03 thửa đất tranh chấp là của ông S, ông S đăng ký kê khai theo hộ, trong hộ có bà H nên nguyên đơn yêu cầu chia di sản của bà H là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bà H bị bệnh tâm thần nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Bà C thuộc hàng thừa kế thứ hai nên được hưởng di sản của bà H. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 612, 623, 650, 651 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị miễn án phí cho bà C do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Phùng Thị C, giữ nguyên án sơ thẩm. Về án phí dân sự phúc thẩm do bà C là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Ngày 02/12/2021 Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án, đến ngày 07/12/2021 bà Phùng Thị C kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Bà C được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi.

[2] Tất cả các đương sự đều thống nhất thừa nhận cụ Nguyễn Thị Ch (chết năm 1985) và cụ Phùng Văn T (chết năm 1975) có tất cả 06 người con gồm: Phùng Thị C, Phùng Thị Th (chết ngày 03/10/2017, bà Th có 02 con chung là Lê Anh D, Lê Ngọc A, chồng bà Th (đã chết), Phùng Thị Cẩm V (chết năm 2009, chồng bà V đã

chết, bà Vân có 03 người con là Bùi Minh Q, Bùi Minh H, Bùi Minh T), Phùng Thị T (chết năm 2010, chồng bà T đã chết, vợ chồng bà T có 03 người con là Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Ú và Nguyễn Văn O), Phùng Văn S (chết năm 2004, ông S có vợ là Nguyễn Thị L, vợ chồng ông S bà L có 04 người con là Phùng Văn Q, Phùng Văn L, Phùng Văn Th, Phùng Văn Ch), bà Phùng Thị H (chết ngày 10/10/2016, không có chồng con).

[3]Về nguồn gốc đất: căn cứ hồ sơ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định, nguồn gốc thửa đất 304, diện tích 4.400m^2 loại đất thổ vườn; thửa 352 diện tích 1.500m^2 và thửa 379 diện tích 4.460m^2 đều là đất trồng lúa, do ông Phùng Văn S kê khai, đăng ký năm 1993, ông S được cấp quyền sử dụng vào ngày 01/10/1996. Nguồn gốc đất do cụ Phùng Văn T và cụ Nguyễn Thị Ch để lại. Riêng thửa 304 có diện tích 2.200m^2 là tài sản của bà L và ông S nhận chuyển nhượng của ông Phạm Ng B, năm 2009 bà L đã chuyển nhượng diện tích 2.200m^2 này cho ông Nguyễn Văn O. Ngày 01/12/2000 ông S đã chuyển nhượng các thửa đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị L (chỉnh lý mặt 4), ngày 15/12/2000 bà L đăng ký biến động, đến ngày 21/01/2002 bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét theo đơn đăng ký quyền sử dụng đất thì cá nhân ông S, bà L là người đăng ký, thời điểm ông Phùng Văn S kê khai các thửa đất nêu trên là sau khi cha mẹ ông S đã chết, các đồng thừa kế của cụ Ch và cụ T không có ai tranh chấp, trong đó có bà Phùng Thị H *(là người bị bệnh tâm thần)*.

[4]Xét bà H là người bị bệnh tâm thần từ nhỏ, sống chung với cha mẹ là cụ T, cụ Ch và ông S; sau khi cụ T và Ch chết thì vợ chồng ông S, bà L và các con bà L ở cùng nhà là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng bà H từ năm 1985 đến khi bà H chết vào năm 2016 họ là những người có công sức chăm sóc bà H.Việc quản lý, sử dụng và cấp đất là cấp cho người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự (còn bà H là người bị bệnh tâm thần) đồng thời vợ chồng bà L là người giám hộ cho bà H, gìn giữ, tôn tạo, canh tác đối với quyền sử dụng đất từ khi cụ T và cụ Ch chết cho đến nay. Trong thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng bà H vợ chồng bà L đảm bảo việc trị bệnh, chi dùng cho các sinh hoạt thiết yết khi bà H còn sống, chi phí mai táng khi chết và thực hiện thờ cúng.

[5]Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận bà Phùng Thị H bị bệnh tâm thần từ nhỏ, đây là tình tiết không phải chứng minh, bà H không tham gia lao động sản xuất, trước đây sống phụ thuộc cha mẹ, sau khi cha mẹ chết ông S và bà L nuôi dưỡng bà H. Trước khi ông S chết đã tặng cho quyền sử dụng đất trên cho bà L, bà L tiếp tục là người quản lý, sử dụng đất và chăm sóc bà H cho đến khi chết. Tại Công văn số 696/UBND-NC ngày 07/9/2020 Ủy ban nhân dân huyện Bình Tân (bút lục 206), không xác định được thời điểm cấp quyền sử dụng cho ông S là cấp cho hộ hay cấp cho cá nhân ông S, vì không ghi thành viên hộ nên chưa có căn cứ để xác định quyền sử dụng đất thửa 304, 352, 379 đang tranh chấp cấp cho hộ ông S hay cấp cho cá nhân ông S. Vì vậy chưa có căn cứ xác định các thửa nêu có

phần di sản của bà H. Vì vậy bà C kháng cáo yêu cầu được chia di sản thừa kế của bà H để lại là không có căn chấp nhận.

[6]Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[7] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Phùng Thị C, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 46 /2021/DS-ST ngày 02/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do bà C là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng, về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Phùng Thị C;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 46 /2021/DS-ST ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Bình Tân;

Căn cứ các Điều 67, 68, 69, 674, 676 của Bộ luật dân sự 2005; các Điều 147, Điều 165, Điều 166, Điều 228 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị C về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Phùng Thị H thuộc một phần của thửa đất 304 tờ bản đồ số 5, diện tích chung là 4.400m^2 [hiện nay thuộc tách 143 -2 (tách 1016-2) bằng 689,5m^2], đất thổ vườn, do anh Phùng Văn Ch đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và một phần của thửa 379, tờ bản đồ số 5, diện tích 4.460m^2 (hiện nay là thửa 36 diện tích bằng 1444,3m^2 do hộ bà Nguyễn Thị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 07/10/2011 và thửa 386 có diện tích 3278,2m^2 do bà Nguyễn Thị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/11/2011), thửa 352 diện tích 1.500m^2 [hiện nay thuộc tách 75-2 (tách 352-2) bằng 1021,4m^2] do anh Phùng Văn Ch đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đều là đất lúa; cùng tọa lạc tại khóm Th N, thị trấn T Q, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (kèm Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 20/5/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh Long).

2.Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu độc lập của Lê Anh D và Lê Ngọc A do rút yêu cầu.

3 Về án phí dân sự phúc thẩm: miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bà Phùng Thị C.

4.Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng và về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5.Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cùng cấp;
- TAND huyện Bình Tân;
- CCTHADS huyện Bình Tân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Ánh Bình